

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Ngày 19/06/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGDCK Tp.HCM) đã cấp Quyết định Niêm yết số 207/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương yết trên SGDCK Tp.HCM. Theo dự kiến ngày 05/07/2017, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương sẽ chính thức giao dịch trên SGDCK Tp.HCM với mã chứng khoán là SJF với giá tham chiếu là 11.600 đồng/cổ phiếu và biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là +/-20%.

Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK Tp.HCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động và những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương trong thời gian qua.

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY:

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tên tiếng Anh: **SUNSTAR INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **SUNSTAR JAPAN FOODS JSC**

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3398 2626 Fax: (84-4) 3398 2626

Website: <http://stdgroup.vn>.

Vốn điều lệ: 660.000.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tỷ đồng)

Công ty Cổ phần đầu tư Sao Thái Dương được thành lập năm 2012 với mục đích ban đầu là đưa các sản phẩm chăm sóc sắc đẹp (mỹ phẩm) có nguồn gốc từ thiên nhiên (thảo dược hay hữu cơ như Sakura, ecoparadise..) từ các thị trường phát triển (Nhật Bản, Hàn Quốc..) đến với người tiêu dùng Việt Nam.

Với nền tảng là các mối quan hệ với các công ty hàng đầu về công nghệ của Châu Âu và Nhật Bản, năm 2014, SJF tăng vốn lên 250 tỷ đồng để mở rộng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và tre công nghiệp nhằm tạo ra những nguồn thực phẩm sạch và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái đồng thời giải quyết vấn đề an sinh xã hội cho vùng miền núi Tây Bắc.

Trong năm 2015, SJF tăng vốn lên 660 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư vào hai Nhà máy tre ép công nghiệp (tại hai tỉnh Hoà Bình và Điện Biên) và triển khai đầu tư chuỗi sản xuất nông nghiệp sạch theo công nghệ sinh học của 03 công ty SunStar Lacto Japan, Công ty Skylife (Nhật Bản) và Công ty Ecoparadise (Nhật Bản) nhằm tạo ra các thực phẩm sạch, chất lượng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu

Trong năm 2016, SJF cùng các công ty con và liên kết đầy mạnh áp dụng đại trà công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ Nhật Bản cho chính các trang trại của mình cũng như các trang trại liên kết tại các tỉnh có điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu tốt cho sản xuất nông nghiệp sạch như Hoà Bình, Ba Vì và sau đó sẽ lan sang các tỉnh thành trên toàn quốc. Năm 2016, Công ty CP BWG Mai Châu (công ty con của Sao Thái Dương) đã trở thành nhà cung cấp hàng hóa cho IKEA - tập đoàn lớn nhất thế giới về nội thất và đồ gia dụng - và cũng là một trong những công ty thương mại rất nổi tiếng về sự khắt khe trong việc lựa chọn sản phẩm đầu vào. Thêm vào đó, thương hiệu của SJF cũng sẽ trở nên phổ biến khi các sản phẩm thực phẩm sạch (với công nghệ Nhật Bản được chuyển giao độc quyền) của Công ty chính thức xuất hiện trên thị trường như Sunstar Lacto Farm và Skylife.

• Các lĩnh vực kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105806767 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần 07 ngày 23/06/2016, các ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương bao gồm: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Bán buôn thực phẩm; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; ...

Công ty Cổ phần Đầu Tư Sao Thái Dương định hướng đầu tư vào 3 hoạt động chính: Cung cấp Giải pháp sản xuất nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ vi sinh Nhật Bản; Cung cấp thực phẩm sạch chất lượng cao (trực tiếp đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ và thông qua chuyển giao công nghệ và bao tiêu sản phẩm); Sản xuất tre ép công nghiệp.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH: kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2015, 2016 và Quý I/2017

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Tăng trưởng (%)		Quý I/2017	
		Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Tổng tài sản	998.573	680.829	1.121.464	681.715	12,31	0,13	1.061.337	724.201
2	Vốn chủ sở hữu	780.974	665.024	846.680	668.829	8,41	0,57	783.209	669.958
3	Doanh thu thuần	309.470	133.433	1.148.239	631.663	271,03	373,39	131.690	89.110
4	Lợi nhuận gộp	21.155	1.281	73.938	1.882	249,51	46,92	6.790	13
5	Doanh thu tài chính	8.419	5.991	9.875	5.406	17,29	(9,76)	40.110	1
6	Chi phí tài chính	1.044	323	6.818	(2)	553,07	(100,62)	26.322	46
7	Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	26.093	5.965	69.249	4.868	165,39	(18,39)	19.007	(694)
8	Lợi nhuận trước thuế	30.726	5.965	67.641	4.834	120,14	(18,96)	21.292	1.449
9	Lợi nhuận sau thuế	29.259	4.772	65.706	3.805	124,57	(20,26)	20.953	1.129
	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	28,463	-	64,424	-	126,34	-	20.543	-

10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	6,06	0,72	8,94	0,57	47,40	(20,72)	2.76%	0.17
----	--	------	------	------	------	-------	---------	-------	------

Đvt: Triệu đồng

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2015, 2016 và BCTC Quý I/2017 của SJF

Nhìn chung, kết quả kinh doanh của công ty mẹ và Hợp nhất đều có sự tăng trưởng ấn tượng trong giai đoạn 2015-2016. Hiệu quả kinh doanh tăng rõ rệt khi ROE năm 2016 của toàn Công ty đạt mức 8,94%..

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Quý I/2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
– Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,92	2,26	2,12
– Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	2,63	2,02	1,86
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
– Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,22	0,25	0,26
– Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,28	0,33	0,36
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
– Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	10,85	24,25	2,75
– Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,43	1,08	0,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
– Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,20	5,61	15,60
– Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH	%	6,06	8,94	2,76
– Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,03	6,20	1,92
– Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	8,43	6,03	14,43

- Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

- Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của doanh nghiệp. Qua bảng số liệu trên có thể thấy, cả hai hệ số này của Công ty mẹ năm 2016 tăng nhẹ so với năm 2015 và duy trì khả năng thanh toán tốt. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2016 đạt 6,9 lần, tăng so với con số 5,49 lần của năm 2015. Hệ số thanh toán nhanh cũng chung xu hướng, tăng từ 3,97 lần năm 2015 lên 5,42 lần vào năm 2016. Đối với số liệu hợp nhất, cả hai hệ số thanh toán đều ghi nhận mức giảm nhẹ, nhưng vẫn ở mức an toàn, lớn hơn 2 lần trong năm 2015 và 2016.

- Các hệ số này của SJF đều lớn hơn 1 chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty rất tốt, luôn có thể thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, giúp duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

- Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Cơ cấu vốn của Công ty luôn được định hướng và duy trì cấu trúc tài chính lành mạnh, lấy nguồn vốn của chủ sở hữu làm nguồn tài trợ chính, giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài. Nguồn vốn để Công ty mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư và sáp nhập các công ty trong cùng lĩnh vực phần lớn đến từ đợt tăng vốn 410 tỷ trong năm 2015.

- Do vậy, cả Hệ số nợ/tổng tài sản và Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của SJF đều ở mức thấp, giao động ở mức 0,02 lần đến 0,33 lần trong giai đoạn 2015 – 2016, giúp giảm thiểu rủi ro hoạt động và tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động

- Tại các thời kỳ báo cáo trên, hoạt động sản xuất đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư nhà xưởng, dây chuyền máy móc, hoạt động thương mại vẫn là hoạt động chính của Công ty với các mặt hàng chủ yếu là nông sản, các sản phẩm đồ gỗ, coppha... và mở rộng thêm mảng phân phối vật tư nông nghiệp trong năm 2016. Chính do đặc thù đó nên vòng quay hàng tồn kho của Công ty ở mức cao và tăng lên so với năm trước. Cụ thể, số liệu hợp nhất tăng từ 10,85 lên 24,25 lần, và từ 8,44 lên mức 30,13 lần đối với Công ty mẹ trong giai đoạn 2015 đến 2016.

- Việc quản lý hàng tồn kho hiệu quả kéo theo chỉ số vòng quay tài của Công ty tăng lên trong giai đoạn này: từ 0,43 vòng (năm 2015) lên 1,08 vòng (năm 2016) theo số liệu hợp nhất, và xu hướng tương tự đối với số liệu trên báo cáo riêng.

- Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty

- Trong năm 2016, nhằm tăng cường vị thế trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, SJF đã triển khai phân phối thêm mảng vật tư nông lâm nghiệp (chủ yếu phân bón). Do đây là mặt hàng mới và để mở rộng mạng lưới phân phối, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách ưu đãi cho khách hàng nên hiệu suất sinh lời chưa cao, dẫn tới các hệ số sinh lời của Công ty mẹ năm 2016 giảm so với cùng kỳ năm trước. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hợp nhất cũng chịu ảnh hưởng tương tự, năm 2015 đạt 9,20% giảm xuống mức 5,61% vào năm 2016.

- Tuy nhiên, các hoạt động kinh doanh tại các đơn vị thành viên của SJF vẫn đạt hiệu quả cao, mang lại phần lớn lợi nhuận cho hệ thống. Điều này được thể hiện qua chỉ số ROE và ROA trên báo cáo hợp nhất: tăng tương ứng từ 6,06% lên 8,94% và từ 4,03% lên 6,20% trong giai đoạn 2015 đến 2016.

- Các chỉ tiêu tài chính của Công ty sẽ tiếp tục có bước phát triển vững chắc trong các năm sắp tới khi các trang trại nông nghiệp và nhà máy sản xuất hoàn thiện và đạt đủ công suất thiết kế.

Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu và đặc điểm của nguyên vật liệu đối với mỗi lĩnh vực của Công ty là khác nhau. Đối với một số công ty thành viên của SJF, là các đơn vị trực tiếp sản xuất, nguồn nguyên liệu là thành tố rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và bản thân các công ty thành viên cũng nhận thức được điều này. Chính vì vậy, SJF và các công ty thành viên rất quan tâm đến việc phát triển, tìm kiếm và sử dụng nguồn nguyên liệu một cách hiệu quả, đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục

Tre công nghiệp

Nguồn nguyên vật liệu: Vùng nguyên liệu dồi dào, trải khắp các tỉnh Điện Biên, Mộc Châu, Mai Châu và đặc biệt là Thanh Hóa, đảm bảo sự ổn định đầu vào sản xuất kinh doanh. Tại mỗi vùng, diện tích trồng tre lên tới hàng nghìn ha là nguồn cung cấp dồi dào sản xuất tre công nghiệp. Tổng diện tích tre hiện tại của các vùng nguyên liệu là hơn 500.000 ha. Công ty thực hiện thu mua tre nguyên liệu từ các hộ nông dân và thông qua các đầu mối thu mua.

Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu: Hiện nay, theo dữ liệu của Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, nước ta có khoảng 1,4 triệu ha rừng tre nứa, chiếm 15% diện tích rừng tự nhiên, với trữ lượng khoảng 8,4 tỷ cây. Trong số này có khoảng 800.000 ha là rừng tre nứa thuần loại và khoảng 600.000 ha hỗn giao với gỗ, và tập trung chủ yếu ở khu vực Tây Bắc như Điện Biên, Sơn La... đến dọc khu vực vùng núi của Hòa Bình và Thanh Hóa. Đây là nguồn nguyên liệu rất dồi dào và đảm bảo cung ứng tốt đối với nhu cầu tre nguyên liệu của Công ty.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu lợi nhuận của Công ty: Giá tre nguyên liệu đầu vào chiếm từ 30% đến 50% cơ cấu chi phí sản xuất tre thành phẩm. Tuy nhiên, do đa dạng hoá được các nguồn cung và trực tiếp thu mua được từ dân, Công ty có thể kiểm soát tốt giá nguyên liệu đầu vào và do đó việc biến động nguyên liệu đầu vào được kiểm soát.

Sản xuất nông nghiệp sạch

Là một nước nông nghiệp, do vậy, nguồn cung cấp các loại nông sản như ngô, sắn của Việt Nam khá dồi dào. Số lượng và sản lượng các sản phẩm nông sản đang được trồng ngày càng nhiều với quy mô ngày càng tăng. Điều đó đảm bảo được nguồn nguyên liệu đối với các doanh nghiệp chế biến nông sản.

Công ty đã đầu tư vào hai công ty chuyên kinh doanh thu mua sản phẩm nông sản (ngô, sắn) là: Công ty TNHH Nông Sản Điện Biên và Công ty TNHH Nông Sản Mai Châu. Các công ty này giúp chủ động về nguồn nguyên liệu đầu vào sạch (không có nguồn gốc từ biến đổi gen..), đồng thời tận dụng được hệ thống và nguồn nguyên liệu dồi dào tại các địa phương nơi có các

nhà máy sản xuất tre của Công ty trải dài từ miền Tây Bắc, Hòa Bình đến dọc vùng núi của Thanh Hóa.

Dự kiến cuối năm 2017, Công ty sẽ đầu tư và đưa vào hoạt động nhà máy thức ăn chăn nuôi tại Hoà Bình để có thể chủ động sản xuất ra được thức ăn chăn nuôi sạch theo công nghệ vi sinh Nhật Bản, phục vụ cho các trang trại của SJF cũng như những trang trại theo mô hình mẫu của Công ty.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2015, 2016 và Quý I/2017

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Thay đổi (%)		Quý I/2017	
		Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Giá vốn hàng bán	288.315	132.152	1.074.301	629.781	273	377	124.900	89.097
2	Chi phí tài chính	1.044	323	6.818	(2)	553	(101)	26.322	46
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.112	712	6.645	1.833	215	157	1.310	502
4	Chi phí bán hàng	324	271	1.977	589	510	117	335	161
5	Chi phí khác	-	-	2.196	34	-	-	155	148
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.408	1.193	1.994	1.029	42	(14)	339	319
Tổng cộng Chi phí		293.203	134.651	1.093.931	633.264	273	370	153.361	90.273

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2015, 2016 và BCTC Quý I/2017 của SJF

Giai đoạn 2015 - 2016 là thời kỳ SJF phát triển mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh do đó chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty cũng tăng tương ứng. Cụ thể, tổng chi phí đã tăng từ 293 tỷ đồng trong năm 2015 lên hơn 1.093 tỷ đồng vào năm 2016.

Ở thời điểm các kỳ báo cáo trên, hoạt động sản xuất đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư nhà xưởng, dây truyền máy móc. Do đó, hoạt động thương mại đang là hoạt động chính của Công ty, theo đó, giá vốn hàng bán cũng chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí (khoảng 98-99%). Các chi phí sản xuất kinh doanh còn lại khác đều có xu hướng gia tăng tuy nhiên chiếm tỷ lệ không đáng kể

III. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH VÀ TRIỂN VỌNG CỦA NGÀNH:

Vị thế của Công ty trong ngành

Công nghệ sinh học trong nông nghiệp

Công ty là một trong những đơn vị dẫn đầu trong việc ứng dụng công nghệ vi sinh vào trồng trọt và chăn nuôi ở Việt Nam giúp giải quyết vấn đề thực phẩm "bẩn" ở Việt Nam hiện nay. Công ty có lợi thế rất lớn khi sở hữu độc quyền nhiều công nghệ vi sinh tiên tiến và có sự hỗ trợ của các giáo sư, chuyên gia hàng đầu trên thế giới trong tất cả các công đoạn và lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: cải tạo đất, phân bón, trồng trọt, thủy canh, chăn nuôi, chế biến, bảo quản.

SJF độc quyền sở hữu tại Việt Nam 03 giải pháp công nghệ sinh học tiên tiến Nhật Bản đã được ứng dụng rộng rãi thành công tại Nhật Bản và quốc tế: (1) LBF-403 (Lactobacillus Fermentation); (2) Giải pháp sinh học P-Gro; (3) Công nghệ bảo quản “cấp đông mềm” Sunstar Fresh Keeping (PWS). Tại Nhật Bản đây là những giải pháp riêng biệt, mỗi giải pháp này đều là những công cụ rất ưu việt được sử dụng độc lập trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Tuy nhiên trong quá trình thử nghiệm tại Việt Nam, SJF nhận thấy mỗi giải pháp có những ưu điểm và lợi thế riêng có thể bổ sung cho nhau rất hữu hiệu trong điều kiện tự nhiên của Việt Nam và do đó khi áp dụng đồng thời các giải pháp này cho sản phẩm kết quả tốt hơn nhiều so với ứng dụng mỗi giải pháp riêng rẽ.

Thực phẩm

Nắm bắt cơ hội phát triển trong lĩnh vực cung cấp thực phẩm sạch, an toàn và có giá trị dinh dưỡng cao ngày càng tăng trong những năm trở lại đây, SJF đã đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực sản xuất phân phối thực phẩm sạch qua hai phương pháp: (1) Trực tiếp đầu tư sản xuất nông nghiệp sạch (trồng trọt và chăn nuôi), và (2) chuyển giao công nghệ và bao tiêu sản phẩm. Tất cả các sản phẩm được sản xuất theo hai phương thức trên đều được cung ứng ra thị trường thông qua mạng lưới phân phối là các chuỗi cửa hàng sạch và siêu thị với thương hiệu “Sunstar Lacto Farm”, là thương hiệu đã được đăng ký bản quyền tại Việt Nam và quốc tế. Các sản phẩm của Công ty đã được phân phối ra thị trường vào tháng 11/2016 và SJF sẽ tập trung mở rộng kênh phân phối sản phẩm trong năm 2017.

Khác với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm sạch và an toàn hiện nay (bao gồm cả một số Doanh nghiệp được biết đến như là một doanh nghiệp có quy mô và thương hiệu lớn), việc đầu tư trực tiếp chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng nguồn thực phẩm cung ứng cho thị trường của các doanh nghiệp này; ngoài ra phần lớn đều được thu mua và gắn thương hiệu, việc kiểm soát chất lượng chỉ ở giai đoạn hoàn thành, chỉ mang tính chọn mẫu, không thể kiểm tra hết được nguồn thực phẩm đầu vào với khối lượng lớn. Tuy nhiên, tại SJF thì khác, ngoài việc đầu tư các trang trại riêng, Công ty còn thực hiện việc cung cấp, hướng dẫn, chuyển giao công nghệ nuôi trồng hữu cơ theo công nghệ Nhật bản cho các nông trại, hộ gia đình,... đồng thời liên tục hỗ trợ và kiểm soát trong suốt quá trình trồng trọt và chăn nuôi. Giúp họ thực hiện đúng theo quy trình công nghệ, nâng cao chất lượng hiệu quả trồng trọt chăn nuôi; mặt khác giúp Công ty kiểm

soát được đầu vào, đảm bảo được chất lượng sản phẩm khi gắn thương hiệu sản phẩm của Công ty và phân phối trên thị trường một cách uy tín và lâu dài.

Lĩnh vực này mới được SJF hợp tác nghiên cứu phát triển và ứng dụng, bước đầu đã tạo được những sản phẩm chất lượng cũng như sự tin cậy của người tiêu dùng. Tuy nhiên, để mở rộng thị trường, SJF đã và đang tạo dựng được các mối quan hệ chặt chẽ với một số chuỗi cửa hàng cung cấp thực phẩm sạch như Tâm Đạt, Sói Biển..., tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để phân phối hàng qua hệ thống siêu thị cũng như phát triển chuỗi cửa hàng thực phẩm của riêng Công ty trong năm 2017.

Tre công nghiệp

Đối với lĩnh vực sản xuất tre ép công nghiệp, các Công ty khác trong ngành có nhà máy sản xuất tre ép công nghiệp đều có quy mô nhỏ, chỉ khoảng từ 600 – 3.000m³/năm. Trong khi công suất của SJF lên tới 250.000 m³/năm (tổng công suất của 3 nhà máy) về tre ép Công nghiệp và nội thất.

- Dự án Nhà máy sản xuất Tre ép tấm tại Cụm công nghiệp Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình quy mô công suất tre ép tấm công nghiệp 100.000 m³/năm, tre ép tấm nội thất 20.000 m³/năm; tương ứng mức Doanh thu dự kiến 2.010 tỷ VND/năm;
- Dự án Nhà máy sản xuất Ván dăm tre gỗ Công nghiệp (tre kết hợp với gỗ) tại Cụm công nghiệp Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình công suất sản xuất ván dăm tre gỗ công nghiệp 35.000 m³/năm, tương ứng mức Doanh thu dự kiến 120 tỷ VND/năm;
- Dự án Nhà máy sản xuất Tre và gỗ ghép thanh tại Bản Phú Ngam, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên quy mô công suất tre ghép thanh công nghiệp 95.000 m³/năm; gỗ ghép thanh 5.000 m³/năm, tương ứng mức Doanh thu dự kiến 1.454 tỷ VND/năm.

Các nhà máy của SJF đều được đặt ở những vùng nguyên liệu dồi dào, đặc biệt là hai nhà máy được đặt tại Cụm công nghiệp Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình – đây là khu vực rất thuận tiện nằm giữa các vùng nguyên liệu tre trọng điểm tại các khu vực Thanh Hóa, Hòa Bình, Sơn La, Yên Bái,... Mặt khác, Cụm công nghiệp Chiềng Châu là khu vực duy nhất được quy hoạch (không có bất cứ Cụm hay Khu Công nghiệp nào khác tại khu vực này, bởi thị trấn Mai Châu là thị trấn du lịch, nên hạn chế quy hoạch các cum, khu Công nghiệp). Cụm Công nghiệp này hiện đang được BWG Mai Châu triển khai thuê mua gần như toàn bộ để thực hiện cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và mở rộng sắp tới của Công ty. Do vậy, khả năng gia nhập ngành/lĩnh vực sản xuất tre ép Công nghiệp tại khu vực này của những Doanh nghiệp mới là hoàn toàn không có. Điều đó càng khẳng định vị thế dẫn đầu lâu dài của Công ty.

Triển vọng phát triển của ngành

An toàn vệ sinh thực phẩm và ô nhiễm môi trường (không khí & nước thải công nghiệp, rừng đầu nguồn...) là những vấn đề nóng đang được quan tâm nhất hiện nay ở Việt Nam. Thực trạng này không chỉ có ở Việt Nam mà còn phổ biến ở các nước đang phát triển. Lý do là trong giai đoạn đầu phát triển của nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp, cá nhân thường chạy theo

lợi ích trước mắt bằng mọi giá mà quên đi lợi ích chung của toàn xã hội là phát triển xanh và bền vững. Thực tế là kể cả khi đã nhận ra vấn đề và muốn thay đổi, các nước đang phát triển lại vướng phải trở ngại lớn đó là trình độ khoa học công nghệ ở các nước này còn thấp nên chưa đưa ra được giải pháp hữu hiệu để có thể phát triển nền nông nghiệp sạch cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Nhìn rộng hơn, vấn đề an ninh lương thực đang là một trong những vấn đề nóng ở cấp độ toàn cầu khi dân số thế giới đang tăng lên nhanh chóng. Thêm vào đó là việc dân số của nhiều nước đang già đi nhanh chóng khiến lực lượng lao động trong nông nghiệp suy giảm mạnh bởi thế hệ trẻ có xu hướng chuyển dịch sang lĩnh vực mới đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao. Một trong những nguyên nhân nữa khiến nguồn lương thực thực phẩm sẽ ngày càng khan hiếm hơn là do xu hướng ngày một xấu đi của khí hậu toàn cầu do tác động tiêu cực của các hoạt động của con người lên trái đất làm suy giảm nhanh chóng diện tích đất đai sử dụng trong sản xuất nông nghiệp (do các hiện tượng tan băng, nước biển dâng cao, hiện tượng xâm ngập mặn, hạn hán, bão lũ xảy ra thường xuyên hơn và mạnh hơn...).

Hiện nay, Việt Nam đang phải nhập siêu các loại thịt do nguồn cung trong nước còn hạn chế. Theo dự báo đến năm 2019, tổng sản lượng tiêu thụ thịt tại Việt Nam sẽ vượt mốc 4 triệu tấn. Trong khi đó, nguồn cung trong nước chỉ đáp ứng được 65% nhu cầu thị trường. Từ năm 2010 đến 2014, giá trị nhập khẩu thịt đã tăng 113%, cán mốc 205.6 triệu đôla Mỹ vào năm 2014 và dự kiến tiếp tục gia tăng trong các năm tiếp theo. Theo Hiệp hội chăn nuôi Việt Nam, sản lượng tiêu thụ thịt bình quân đầu người của cả nước đã tăng 2,5 lần trong giai đoạn từ năm 2000 – 2015, 54,1 kg/người/năm vào năm 2016. Chỉ tính riêng Hà Nội, năm 2015 thành phố hiện có 7,2 triệu người và thường xuyên có mặt khoảng 2,5 triệu lao động, học sinh sinh viên ngoại tỉnh cư trú và làm việc tiêu thụ một ngày khoảng 1.000 tấn thịt các loại, 700 tấn cá, 2.500 tấn rau, củ... (số liệu của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

Các báo cáo phân tích của Ipsos Business Consulting nhận định triển vọng phát triển của ngành thực phẩm của Việt Nam rất khả quan dựa trên một số các yếu tố: dân số hơn 91 triệu người (đứng thứ 14 trên thế giới) với cơ cấu dân số trẻ và gia tăng trong chi tiêu dung; quá trình đô thị hóa nhanh (43% vào năm 2030 đồng thời mức sống ngày càng cao; gia tăng sự quan tâm đến vấn đề sức khỏe (chi tiêu cho sức khỏe đạt 142 USD/người vào năm 2019); sự phát triển mạnh các chuỗi bán lẻ hiện đại; và sự hòa nhập với môi trường quốc tế của Việt Nam (gia nhập EU-VN FTA, TPP).

Do đó có thể nói ngành sản xuất nông nghiệp sạch, thực phẩm sạch mới đang ở trong giai đoạn đầu phát triển ở Việt Nam. Tiềm năng là rất lớn cho bất cứ doanh nghiệp nào nắm được công nghệ và nguồn lực tài chính. Đặc biệt Việt Nam có lợi thế lớn trong phát triển nông nghiệp do điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng rất phù hợp với trồng trọt và chăn nuôi. Thêm vào đó, Chính Phủ Việt Nam đã và đang có những chính sách hỗ trợ phát triển mạnh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp sạch và lâm nghiệp đặc biệt là vùng kinh tế khó khăn.

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương định hướng trở thành một trong những doanh nghiệp tiên phong góp phần giải quyết vấn đề bức xúc nhất của người dân Việt Nam hiện nay thông qua việc đầu tư, ứng dụng những công nghệ tiên tiến đã thành công ở các nước phát triển vào các lĩnh vực nông nghiệp thực phẩm cũng như xử lý môi trường.

Thế giới đang ngày càng phát triển hơn, văn minh hơn. Con người ngày càng nhận ra rằng bảo vệ môi trường cũng chính là bảo vệ cuộc sống của chính mình. Điều này sẽ giúp con người một mặt tìm ra những phương thức sản xuất không làm tổn hại đến môi trường (sản xuất hữu cơ), mặt khác tìm kiếm những vật liệu tái sinh thay thế cho vật liệu gỗ tự nhiên để tránh tổn hại đến rừng tự nhiên và cả rừng trồng. Tre sẽ là vật liệu mới thay thế và bổ sung cho gỗ. Ngành tre hiện đang có sự tăng trưởng rất nhanh do sản phẩm đồ gia dụng, nội thất sử dụng vật liệu tre mới chiếm khoảng 1%. Đây là cơ hội lớn cho các nhà máy tre công nghiệp của Sao Thái Dương phát triển trong dài hạn.

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM 2017

Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 – 2018 của Hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Kế hoạch (tỷ đồng)	% thay đổi so với năm 2016	Kế hoạch (tỷ đồng)	% thay đổi so với năm 2017
Doanh thu thuần (DTT)	1.200	4,53%	2.000	66,67%
<i>Trong đó:</i>				
- <i>Vật tư Nông nghiệp</i>	850	-22%	1.300	53%
- <i>Tre ép Công nghiệp</i>	200	100%	450	125%
- <i>Sản phẩm nông, thủy sản</i>	150	100%	250	67%
Lợi nhuận ròng (LNST)	75	14,15%	130	73,33%
Tỷ suất LNST/DTT	6,25%	0,64%	6,50%	0,25%
Tỷ suất LNST/VCSH	11,36%	2,42%	19,70%	8,34%
Cổ tức (%)	10,00%	-	12,00%	2,00%

Nguồn: SJF

Kế hoạch kinh doanh thể hiện tín hiệu tích cực cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang phát triển đúng hướng, đồng thời, đạt được mức tăng trưởng bền vững. Lợi nhuận

năm 2016 được SJF giữ lại để đầu tư, mở rộng các lĩnh vực kinh doanh trọng yếu, đẩy mạnh marketing quảng bá thương hiệu và xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm ra thị trường.

Do vậy, đây là những cơ sở vững chắc để SJF tự tin đưa ra kế hoạch về doanh thu - lợi nhuận và cổ tức cho giai đoạn 2017 – 2018.

V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY:

Ngoài những rủi ro chung như rủi ro về kinh tế vĩ mô, rủi ro về pháp luật, rủi ro bất khả kháng về thiên nhiên như thiên tai, bão lũ. Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương chịu tác động của các rủi ro đặc thù như sau:

1. Rủi ro đặc thù

Rủi ro đặc thù là những rủi ro tiềm ẩn đối với lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

1.1. Thương hiệu

Chiến lược phát triển của CTCP Đầu tư Sao Thái Dương là thực hiện tái cơ cấu, sáp nhập các công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Giải pháp sản xuất nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ vi sinh Nhật Bản, cung cấp thực phẩm sạch chất lượng cao và sản phẩm tre ép công nghiệp... Những công ty mục tiêu này đều là những công ty đã có quá trình hình thành và phát triển khá lâu, tuy nhiên việc xây dựng thương hiệu chung “CTCP Đầu tư Sao Thái Dương” mới chỉ được chú trọng thực hiện trong một năm trở lại đây. Việc xây dựng uy tín thương hiệu của Công ty trên thị trường mới đang trong giai đoạn khởi đầu, sẽ là một trở ngại trong quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng cũng như xúc tiến các cơ hội mới. Đây là một trong những rủi ro có ảnh hưởng lớn đối với Công ty mẹ và hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty con, đặc biệt là khi quá trình xây dựng thương hiệu này có thể mất thời gian lâu dài.

1.2. Rủi ro ngành

Đầu tư vào Sản xuất tre ép công nghiệp

Thị trường

Tiềm năng của thị trường tre ép công nghiệp trên thế giới được đánh giá là rất lớn, có tính cạnh tranh cao với các vật liệu khác đang có mặt trên thị trường và đặc biệt là đang được sử dụng để thay thế nguyên liệu gỗ. Hiện nay, trên thị trường Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung đã có rất nhiều các Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn chuyển sang sản xuất kinh doanh các sản phẩm cuối cùng có nguồn gốc từ tre ép công nghiệp. Do đó, SJF sẽ vấp phải sự cạnh tranh khá lớn trong vấn đề về giá, về chất lượng, về mẫu mã sản phẩm và đặc biệt là vấn đề khách hàng với các đối thủ khác.

Để đón đầu thị trường, Công ty đã hợp tác với các làng nghề truyền thống (như Thạch Thất, Hà Nội) để chế biến các sản phẩm từ tre. Đồng thời, Công ty cũng đã kết nối và hợp tác với rất nhiều các khách hàng lớn trên thế giới. Ngày càng nhiều các tập đoàn lớn tìm đến tham quan và

đặt quan hệ hợp tác với Công ty. Do đó, Công ty hoàn toàn đủ khả năng để có thể đương đầu với rủi ro cạnh tranh trên thị trường.

Các yếu tố đầu vào

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành sản xuất tre ép công nghiệp, nguyên liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Hơn nữa, do ngành hàng tre ép do còn là một lĩnh vực mới ở nước ta nên gặp phải những khó khăn về máy móc, công nghệ, vùng nguyên liệu chưa có quy hoạch đồng bộ và đặc biệt chưa có một chính sách phù hợp để hỗ trợ, xúc tiến thương mại và gắn kết các doanh nghiệp với nhau.

Để phát triển vùng nguyên liệu, Công ty đã phối hợp với các địa phương trong vùng tiến hành trồng thử nghiệm và tiến tới nhân rộng mô hình ra các vùng miền khác có khí hậu thích hợp để trồng tre. Đồng thời Công ty hỗ trợ các cơ sở nhỏ thông qua chuyển giao công nghệ và hỗ trợ bao tiêu đầu ra để phát triển mạng lưới chuỗi cung ứng nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy. Đối với nguồn nguyên liệu nhập khẩu (như keo), Công ty thường xuyên tìm kiếm các nhà cung cấp mới cũng như chuyển dịch sang mua của các nhà sản xuất trong nước đạt chất lượng theo tiêu chuẩn của IKEA. Tiến tới năm 2018, Công ty sẽ chủ động sản xuất keo để không còn bị phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu.

Cung cấp thực phẩm sạch chất lượng cao

CTCP Đầu tư Sao Thái Dương chủ động đầu tư vào các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ vi sinh Nhật Bản thông qua các công ty con và công ty liên kết. Mục đích của việc trực tiếp đầu tư vào sản xuất này là có thể chủ động được một phần nguồn cung cấp và thông qua đó xây dựng mô hình trang trại mẫu cho các trang trại khác làm theo để tạo nguồn cung sản phẩm

Trồng trọt

Công ty triển khai đầu tư vào trồng một số cây ăn quả theo công nghệ Lactobacillus và P-Gro Nhật Bản, ví dụ như cam sạch chất lượng cao tại Huyện Cao Phong, và Huyện Lạc Thủy thuộc tỉnh Hoà Bình. Mặc dù, Hoà Bình. Đây là những vùng có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi, phù hợp để phát triển nông nghiệp. Tuy vậy, Công ty luôn đề cao công tác chăm sóc cây trồng như phát triển đội ngũ kỹ sư chuyên ngành bảo vệ thực vật sẽ thường xuyên kiểm tra, theo dõi để phát hiện xử lý kịp thời các dịch bệnh hại, giảm thiểu tối đa thiệt hại cho vườn cây. Bên cạnh đó, đội ngũ chuyên gia này cũng thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình thời tiết để tìm ra các giải pháp tối ưu cho cây trồng.

Chăn nuôi

Công ty ứng dụng công nghệ vi sinh của Nhật Bản kết hợp với phương pháp chăn nuôi của GS.NGND Nguyễn Lân Dũng để xây dựng chuỗi sản xuất chăn nuôi hữu cơ theo mô hình khép kín 3F: Thức ăn chăn nuôi (Feed) - Trang trại (Farm) - Thực phẩm (Food). Các trang trại chăn nuôi mà Công ty hiện có là: Trại gà; trại vịt trời; trại lợn nái và lợn thương phẩm. Việc ứng dụng quy trình chăn nuôi và công nghệ Vi sinh Nhật Bản giúp vật nuôi khỏe mạnh hơn, lớn nhanh hơn

và phòng tránh được các loại bệnh dịch. Thêm vào đó, Công ty có đội ngũ kỹ sư chăn nuôi nhiều kinh nghiệm theo dõi thường xuyên và kịp thời xử lý các bệnh trên gia súc, gia cầm.

Rủi ro cạnh tranh của mặt hàng này cũng rất gay gắt trên thị trường. Tuy mới thâm nhập thị trường thực phẩm sạch nhưng các sản phẩm thịt lợn sạch từ các trang trại mà Công ty ứng dụng thí điểm công nghệ vi sinh của Nhật Bản hiện đang được các chuyên gia đánh giá rất cao. Các sản phẩm thịt lợn nuôi bằng táo xoắn và giun quế của các trang trại này đã có mặt rất nhiều tại các chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch (như Tâm Đạt, Sói Biển..), đây chính là một lợi thế cũng như là điểm bắt đầu của kế hoạch quảng bá thương hiệu của CTCP Đầu tư Sao Thái Dương trong thời gian sắp tới.

Với lợi thế lớn về công nghệ sinh học trong nông nghiệp, Công ty sẽ là đơn vị dẫn đầu trong việc ứng dụng công nghệ vi sinh Nhật Bản vào trồng trọt và chăn nuôi ở Việt Nam, giúp giải quyết vấn đề thực phẩm "bẩn" ở Việt Nam hiện nay

Rủi ro các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Do đầu tư vào nhiều công ty con, công ty liên kết, CTCP Đầu tư Sao Thái Dương chịu rủi ro trong việc quản lý hiệu quả các khoản đầu tư này. Cụ thể, khi hoạt động kinh doanh của các công ty con gặp khó khăn sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống. Đối với các khoản đầu tư tài chính, rủi ro đối với SJF là biến động giá cổ phiếu và tính thanh khoản của các khoản đầu tư. Với việc nắm sở hữu tại rất nhiều công ty thành viên với quy mô và tỷ lệ nắm giữ khác nhau, CTCP Đầu tư Sao Thái Dương sẽ phải đối mặt nhiều thách thức trong quản lý các khoản đầu tư của mình, ví dụ như việc chỉ đạo và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh công ty thành viên, khả năng đưa dòng tiền tại các công ty thành viên về Công ty mẹ, đối mặt với các xung đột lợi ích với các cổ đông khác tại các công ty con, công ty liên kết.

Rủi ro phát sinh từ việc quy mô vốn điều lệ của Công ty tăng nhanh

Quy mô vốn điều lệ của SJF tăng nhanh trong giai đoạn 2014 - 2015 (từ 6 tỷ đồng lên 660 tỷ đồng) có thể gây ra những rủi ro liên quan đến khả năng quản trị cũng như hiệu quả trong việc sử dụng vốn của Công ty.

Việc tăng vốn nhanh có thể gây áp lực trong việc sử dụng vốn hiệu quả của Công ty. Theo đó, khi quy mô vốn tăng lên, đòi hỏi Công ty phải điều chỉnh định hướng hoạt động, mở rộng lĩnh vực kinh doanh và phân bổ vốn hiệu quả. Rủi ro sẽ xảy ra khi việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh không mang lại hiệu quả tương xứng. Do vậy để giảm thiểu rủi ro, quá trình tăng vốn của Công ty được triển khai theo chiến lược phát triển đã được định hướng rõ ràng, nhất quán, được Ban lãnh đạo nghiên cứu kỹ lưỡng và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các lĩnh vực đầu tư trọng yếu của SJF đều nhắm vào các ngành nghề đang được Nhà nước tạo điều kiện phát triển và hưởng nhiều chính sách ưu đãi. Thêm vào đó, Ban lãnh đạo CTCP Đầu tư Sao Thái Dương đề ra những phương án kinh doanh phù hợp theo từng giai đoạn cụ thể, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và luôn chủ động trước những tình huống bất ngờ có thể xảy ra.

Do vậy, vấn đề về rủi ro về việc tăng vốn nhanh của Công ty trong giai đoạn 2014 - 2015 được Công ty quản trị rủi ro rất chặt chẽ, được đánh giá là không cao và hoàn toàn nằm trong kiểm soát.

Rủi ro khác

Bên cạnh đó, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.